1. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng) bằng cách:

A. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải

B\*. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái

C. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

D. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm

2. Do mất mùa cà phê nên cung về cà phê trên thị trường giảm mạnh và người tiêu dùng chuyển sang dùng chè thay thế cho cà phê. Trên thị trường, có thể mô tả tình trạng về cung và cầu như sau:

A. Sự dịch chuyển sang phải của đường cung về cà phê

B\*. Sự dịch chuyển sang phải của đường cầu về chè

C. Sự dịch chuyển sang trái của đường cung về chè

D. Sự dịch chuyển sang trái của đường cầu về cà phê

3. Đường cung của sản phẩm X dịch chuyển do:

A. Giá sản phẩn X thay đổi

B. Thu nhập người tiêu dùng thay đổi

C\*. Thuế thay đổi

D. Giá cả sản phẩm thay thế giảm

4. Nếu hàm sản xuất có dạng Q=0.5\*K\*L, khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỉ lệ thì:

A\*. Năng suất tăng theo qui mô

B. Năng suất giảm theo qui mô

C. Năng suất không đổi theo qui mô

D. Tất cả đều sai

5. Giả sử bơ (hàng hóa X) và bơ thực vật (hàng hóa Y) có độ co giãn chéo bằng 2 và giá của bơ tăng từ 80đ/250gr lên 90đ/250gr. Lượng cầu về bơ thực vật sẽ thay đổi bao nhiêu phần trăm:

A\*. 25%

B. 40%

C. 55%

D. 70%

6. Một hãng độc quyền thấy rằng ở mức sản lượng hiện tại, doanh thu biên của hãng bằng 6, còn chi phí biên bằng 4. Vậy muốn tối đa hoá lợi nhuận, hãng này sẽ phải:

A. Giữ cho giá và sản lượng không đổi

B\*. Giảm giá và tăng sản lượng

C. Giảm sản lượng và tăng giá

D. Không câu nào đúng

7. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất xuất lượng:

A\*. MC = MR

B. MC = P

C. MC = AR

D. AC = P

8. Đối với hàng hóa lâu bền, ví dụ như xe máy và máy tính cá nhân, thì:

A. Giá tăng doanh thu sẽ giảm

B\*. Độ co giãn của cầu theo giá trong ngắn hạn lớn hơn trong dài hạn

C. Độ co giãn của cầu theo giá trong ngắn hạn nhỏ hơn trong dài hạn

D. Độ co giãn của cầu theo giá không đổi theo thời gian

9. Khi chính phủ trợ cấp cho người trồng rau sạch thì khoản trợ cấp này:

A. Người bán hưởng toàn bộ

B\*. Người bán chuyển cho người mua bao nhiêu tuỳ vào độ co dãn của cung và cầu

C. Người bán chuyển cho người mua phân nữa số tiền trợ cấp

D. Tất cả đều đúng

10. Hãy cho biết ý nào dưới đây thuộc lĩnh vực kinh tế vi mô?

A\*. Lượng tiền tiết kiệm được trong một tháng của một hộ gia đình

B. Tác động của sự điều chỉnh chính sách tiền lương đối với sức mua của xã hội

C. Tác động của việc gia tăng tiết kiệm quốc gia đối với việc tăng trưởng kinh tế

D. Mối quan hệ giữa tỉ lệ lạm phát và lượng tiền trong lưu thông

11. Tìm câu đúng trong các câu dưới đây:

A. Tính chất co giãn theo giá của nhóm mặt hàng thiết yếu là co giãn nhiều

B\*. Bếp gas và gas là hai mặt hãng bổ sung

C. Hệ số co giãn của cầu theo thu nhập của hãng xa xỉ nhỏ hơn 1

D. Giá yếu tố sản xuất tăng làm đường cung dịch chuyển sang phải

12. GDP thực và GDP danh nghĩa của năm hiện hành bằng nhau nếu:

A. Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát năm trước

B. Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm trước

C. Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát năm gốc

D\*. Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm gốc

13. Không giống như luật tiền lương tối thiểu, trợ cấp lương:

A. Khuyến khích các doanh nghiệp thuê các lao động nghèo

B. Gây ra tình trạng thất nghiệp

C\*. Nâng cao mức sống của người lao động nghèo mà không gây ra tình trạng thất nghiệp

D. Thiếu hụt 20

14. Giả sử doanh nghiệp đang sản xuất với mức sản lượng có doanh thu biên lớn hơn chi phí biên. Để tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp nên:

A. Giảm sản lượng

B\*. Tăng sản lượng

C. Không cần điều chỉnh sản lượng

D. Các câu trên đều sai

15. Nhận định nào sau đây là thực chứng:

A. Cuối những năm 1XXX, các nước nghèo của thế giới nhận được thu nhập ít hơn trong tống thu nhập thế giới

B. Từ những năm 1XXX, lạm phát đã giảm xuống ở hầu hết các nước phương Tây nhưng ngược lại tỉ lệ thất nghiệp tăng lên

C. Chính phủ Anh nên đưa ra các chính sách để giảm thất nghiệp

D\*. Cả a và b đều đúng

16. Chi phí biên MC là:

A. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị yếu tố sản xuất

B. Chi phí tăng thêm khi tiêu dùng thêm một sản phẩm

C\*. Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm

D. Là độ dốc của đường tổng doanh thu

17. Chi phí cơ hội của một mặt hàng là

A. Số giờ cần thiết để kiếm tiền mua vật phẩm.

B\*. Những gì bạn cho lên để có được mục đó.

C. Thường ít hơn giá trị đồng đô la của mặt hàng.

D. Giá trị đồng đô la của mặt hàng.

18. Xét hàm sản xuất Q = A.Lα.Kβ. Nếu doanh nghiệp đang có hiệu suất theo qui mô tăng dần, câu nào sau đây là đúng:

A\*. α=0.59, β=0.69

B. α=0.40, β=0.30

C. α=0.20, β=0.50

D. α=0.6, β=0.4

19. Nếu cung không co giãn và cầu co giãn thì:

A. Người mua chịu hết gánh nặng thuế

B\*. Người bán chịu hết gánh nặng thuế

C. Người mua và người bán chịu gánh nặng thuế bằng nhau

D. Không thể xác định được gánh nặng thuế được phân chia như thế nào

20. Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng:

A. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn

B. Chi mua vũ khí, đạn dược

C. Tiền chi học bổng cho sinh viên học giỏi

D\*. Câu a và b đúng

21. GDP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

A. Quan điểm lãnh thổ

B. Sản phẩm cuối cùng được tạo ra trong năm

C. Giá trị gia tăng của tất cả các ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong và ngoài nước trong năm

D\*. a và b đúng

22. Một doanh nghiệp hoạt động trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí TC=20+0.4q2. Nếu giá thị trường P=20 thì lợi nhuận doanh nghiệp bằng:

A\*. 230

B. 270

C. 500

D. Tất cả đều sai

23. Khi đặt giá trần, lượng cầu sẽ giảm đi

A. Đúng. Giá trần làm cho lượng cung lớn hơn lượng cầu dẫn đến lượng cầu giảm

B\*. Sai. Giá trần thấp hơn giá cân bằng khiến lượng cầu tăng lên trong khi lượng cung giảm

C. Đúng. Giá trần thấp hơn giá cân bằng khiến lượng cung tăng trong khi lượng cầu giảm

D. Sai. Giá trần cao hơn giá cân bằng khiến lượng cung giảm, lượng cầu tăng

24. Cầu thị trường của một sản phẩm tăng lên nhưng mức giá cân bằng không thay đổi, chỉ có sản lượng cân bằng thay đổi. Trong trường hợp này:

A\*. Cung co giãn hoàn toàn.

B. Cầu co giãn hoàn toàn

C. Cung hoàn toàn không co giãn

D. a và c đúng.

25. Mệnh đề nào sau đây liên quan đến kinh tế học vi mô:

A. Cùng với các nền kinh tế phương Tây khác, nước Anh đã đối mặt với sự gia tăng tỉ lệ thất nghiệp vào đầu những năm 1XXX

B\*. Một người lao động được trả lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng hóa xa xỉ hơn

C. Lãi suất cao trong nền kinh tế có thể được kỳ vọng là không khuyến khích tổng mức đầu tư

D. Sự tăng lên trong tổng thu nhập xã hội đồng nghĩa với việc chi tiêu tiêu dùng cao hơn

26. Trong ngắn hạn một quan sát cho thấy khi sản lượng tăng thì chi phí biên tăng nhưng chi phí trung bình giảm. Với quan sát trên ta có thể đưa ra kết luận chi phí biên

A\*. Thấp hơn chi phí trung bình.

B. Cao hơn chi phí trung bình.

C. Thấp hơn chi phí cố định trung bình.

D. Cao hơn chi phí cố định trung bình.

27. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu P=-Q+20 và hàm tổng chi phí TC=Q2+4Q+4. Mức giá và sản lượng đạt lợi nhuận tối đa:

A. P=2, Q=4

B. P=14, Q=5

C. P=4, Q=16

D\*. P=16, Q=4

28. Nếu bạn muốn kiểm tra xem có nhiều hàng hóa dịch vụ được sản xuất hơn trong nền kinh tế trong năm 2020 so với năm 2019 thì bạn nên xem xét:

A\*. GDP thực tế

B. Giá trị sản phẩm trung gian

C. GDP tính theo giá hiện hành

D. GDP danh nghĩa

29. Giả sử tiểu bang Iowa thông qua luật tăng giá thuốc lá lên $ 1 cho mỗi gói. Kết quả là, cư dân ở Iowa bắt đầu mua thuốc lá của họ ở các bang lân cận. Nguyên tắc nào dưới đây minh họa tốt nhất?

A\*. Người dân hưởng ứng ưu đãi

B. Người hợp lý suy nghĩ ở lề

C. Thay đổi có thể làm cho mọi người tốt hơn

D. Thị trường thường là một cách tốt để tổ chức hoạt động kinh tế

30. Độ co giãn của cầu theo giá đối với mặt hàng Ti vi là ED=-1,3. Con số này có nghĩa:

A. Giá ti vi tăng 13%, lượng cầu về ti vi giảm 10%

B\*. Giá ti vi giảm 10%, lượng cầu về ti vi tăng 13%

C. Giá điện giảm 10%, lượng cầu về ti vi tăng 13%

D. Thu nhập của người dân tăng 10%, lượng cầu ti vi tăng 13%

31. Giá trần có kiểm soát là mức giá cao hơn giá cân bằng do nhà nước qui định, nhưng mức giá này không có tác dụng điều tiết thị trường vì:

A. Cơ chế thị trường tự điều chỉnh về giá cân bằng ban đầu

B. Giá khi chưa điều tiết đã quá cao

C\*. a và b đều đúng

D. a và b đều sai

32. Giá trần (giá tối đa) luôn dẫn tới:

A. Gia nhập ngành

B. Dư thừa hàng hóa

C. Thị trường cân bằng

D\*. Thiếu hụt hàng hóa

33. Trong số các doanh nghiệp dưới đây, đơn vị nào có thể được coi như độc quyền hoàn toàn:

A. Hàng không Việt Nam

B. Tổng công ty điện lực Việt Nam

C\*. Tổng công ty đường sắt Việt Nam

D. Tổng công ty than Việt Nam

34. Giả sử người nông dân trồng lúa mì và bán cho nhà sản xuất bánh mì với giá 1 triệu đồng, người sản xuất bánh mì làm bánh mì và bán cho cửa hàng với giá 2 triệu đồng, và cửa hàng bán bánh mì bán cho người tiêu dùng với giá 3 triệu đồng. Các hoạt động này làm tăng GDP:

A. 6 triệu đồng

B. 1 triệu đồng

C. 2 triệu đồng

D\*. 3 triệu đồng

35. Trong thị trường cạnh tranh, mỗi người bán có khả năng giới hạn chi phối giá cả sản phẩm bởi vì:

A\*. Những người bán khác cũng cung cấp sản phẩm giống như vậy

B. Người mua có khả năng tác động đến giá cả hơn người bán

C. Chính phủ điều tiết thị trường

D. Những người bán đồng ý đặt một mức giá chung để mỗi người bán có thể tìm kiếm lợi nhuận mong muốn

36. Khi tính chi phí cơ hội tham dự một buổi hòa nhạc, bạn nên bao gồm

A\*. Giá bạn trả cho vé và giá trị thời gian của bạn.

B. Giá bạn trả cho vé, nhưng không phải là giá trị thời gian của bạn.

C. Giá trị thời gian của bạn, nhưng không phải là giá bạn phải trả cho vé.

D. Không phải giá của vé cũng không phải giá trị thời gian của bạn.

37. Nhận định nào sau đây là không đúng:

A\*. Các hãng tối đa hóa lợi nhuận nên bán càng nhiều càng tốt

B. Khi đường cầu của một hãng là dốc xuống, doanh thu biên sẽ giảm khi sản lượng tăng

C. Bất kỳ một hãng nào muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ tối thiểu hóa chi phí ở bất kỳ mức sản lượng nào

D. Chi phí cơ hội cộng với chi phí kế toán bằng chi phí kinh tế

38. Lạm phát xuất hiện có thể do nguyên nhân:

A. Tăng cung tiền

B. Tăng chi tiêu cá nhân

C. Tăng chi tiêu của chính phủ

D\*. Tất cả đều đúng

39. Trên một đồ thị, trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cung mỗi ngày thì đường cung của mặt hàng cá tươi đánh bắt từ biển mỗi ngày là:

A. Đường thẳng đứng

B. Đường nằm ngang

C. Đường có độ dốc âm

D\*. Đường có độ dốc dương

40. Cung của điện thoại di động thay đổi là do:

A. Giá của điện thoại giảm xuống

B\*. Công nghệ sản xuất thay đổi

C. Dân chúng thích sử dụng điện thoại

D. Thu nhập của người tiêu dùng tăng

41. Giá cả hàng bột giặt là 8.000 đồng/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500đ/kg, giá cả trên thị trường là 8.100đ/kg. Tính chất có giãn cầu theo giá của hàng bột giặt là:

A. Co giãn

B. Ít co giãn

C\*. Co giãn hoàn toàn

D. Hoàn toàn không co giãn

42. Một thị trường cạnh tranh hoàn toàn có 1.000 doanh nghiệp, đều có hàm tổng phí: TC=Q2+10Q+3600. Hàm cung ngắn hạn của ngành có dạng:

A\*. P=(1/500)Q+10

B. P=500Q+10

C. P=1100Q+10000

D. P=(1/1000)Q+10

43. Khi giá gas tăng 45%, số lượng bếp gas bán ra giảm 15%. Vậy độ co giãn chéo của bếp gas và gas là:

A. 3

B. -3

C. 1/3

D\*. -1/3

44. Câu nào sau đây là không đúng về đường chi phí biên ngắn hạn:

A. Chi phí biên bằng chi phí biến đổi trung bình khi chi phí biến đổi trung bình là tối thiểu

B. Khi chi phí biến đổi trung bình đang giảm, đường chi phí cận biên sẽ nằm dưới đường chi phí biến đổi trung bình

C. Chi phí biên lớn hơn chi phí trung bình khi số lượng đơn vị được sản xuất lớn hơn mức sản lượng đầu vào tối ưu

D\*. Chi phí biên phụ thuộc một phần vào chi phí cố định

45. Một cách khác kiểm soát giá thuê nhà mà không làm giảm số lượng nhà cung cấp là:

A\*. Chính phủ sẽ thanh toán một phần nhỏ trong tiền thuê nhà của người nghèo

B. Đánh thuế cao hơn lên thu nhập từ tiền cho thuê của chủ nhà

C. Chính sách ngăn chặn chủ nhà đuổi người đi thuê

D. Chính sách cho phép chính phủ tịch thu tài sản của người dân để phát triển thương mại

46. Khi thu nhập tăng lên 10%, khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên 5%, với các điều kiện khác không đổi, thì ta có thể kết luận sản phẩm X là:

A. Hàng hoá thứ cấp

B. Hàng hoá xa xỉ

C\*. Hàng hoá thiết yếu

D. Hàng hoá lâu bền

47. Một thị trường cạnh tranh là thị trường trong đó:

A. Người đấu giá sẽ đặt giá cả và sắp xếp việc bán hàng hóa

B. Chỉ có một vài người bán

C. Lực cung và cầu không áp dụng được

D\*. Không có bất kỳ người mua hay người bán nào có thể tác động đến giá cả thị trường

48. Sản phẩm nào sau đây sẽ bị coi là khan hiếm?

A. Câu lạc bộ golf

B. Tranh Picasso

C. Táo

D\*. Tất cả đều đúng.

49. Nếu muốn kiểm tra xem có nhiều hàng hóa dịch vụ được sản xuất hơn trong nền kinh tế trong năm 2019 so với năm 2018 thì nên xem xét:

A. Giá trị sản phẩm trung gian

B\*. GDP thực tế

C. GDP tính theo giá hiện hành

D. GDP danh nghĩa

50. Một hàm sản xuất cho phép xác định:

A. Chi phí để sản xuất một số lượng sản phẩm nhất định nào đó

B\*. Sản lượng với mức cao nhất có thể đạt được theo số lượng yếu tố đầu vào được sử dụng

C. Số lượng sản phẩm cần sản xuất để có lợi nhuận

D. Số tiền thu được khi bán một lượng sản phẩm nhất định nào đó

51. Thi trường cạnh tranh hoàn toàn có 200 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm cung P=10+20q. Vậy hàm cung thị trường sẽ là:

A. P = 2000 + 4000Q

B\*. P = Q/10 + 10

C. Q = 100P - 10

D. Tất cả đều sai

52. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo sản xuất sản phẩm Z có hàm tổng chi phí TC=Q2+50Q+10.000. Nếu giá thị trường là P=350 thì để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp sẽ sản xuất:

A\*. Q=150

B. Q=200

C. Q=100

D. Tất cả đều sai

53. Tính theo thu nhập, GDP là tổng:

A. Tiền lương, thuế thu nhập, tiền lãi, tiền thuê, lợi nhuận

B. Tiền lương, trợ cấp, khấu hao, tiền lãi, tiền thuê

C\*. Tiền lương, tiền lãi, tiền thuê, lợi nhuận, khấu hao, thuế gián thu

D. Tiền lãi, tiền thuê, lợi nhuận, khấu hao, thuế gián thu

54. Khi chính phủ thực hiện trợ giá cho người sản xuất, giá cân bằng của thị trường là:

A\*. Giá của người tiêu dùng phải trả và thấp hơn khi chính phủ chưa trợ giá

B. Giá của người sản xuất được nhận và cao hơn khi chính phủ chưa trợ giá

C. Giá của người tiêu dùng phải trả và cao hơn khi chính phủ chưa trợ giá

D. Giá của người sản xuất được nhận và thấp hơn khi chính phủ chưa trợ giá

55. Nếu giá hàng hoá A tăng 5% làm cầu về hàng hoá B giảm 2%, A và B là hai hàng hoá:

A. Thay thế

B\*. Bổ sung

C. Thông thường

D. Thứ cấp

56. Nếu gía sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không đổi thì:

A. Cầu sản phẩm X tăng lên

B. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên

C\*. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống

D. Phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên

57. Một xã hội điển hình cố gắng tận dụng tối đa nguồn lực từ nguồn lực khan hiếm của nó. Đồng thời, xã hội cố gắng phân phối các lợi ích của các nguồn lực đó cho các thành viên của xã hội một cách công bằng. Nói cách khác, xã hội phải đối mặt với sự cân bằng giữa

A. Súng và bơ.

B\*. Hiệu quả và công bằng.

C. Lạm phát và thất nghiệp.

D. Công việc và giải trí.

58. Tối đa hóa giá cả mà ở mức giá đó hàng hóa có thể được bán được gọi là:

A. Giá sàn

B. Giá trợ cấp

C. Gía hỗ trợ

D\*. Giá trần

59. Lý do nào sau đây làm tăng qui mô thất nghiệp trong nền kinh tế:

A. Những công nhân tự ý thôi việc và không tìm kiếm công việc khác

B\*. Những công nhân bị sa thải

C. Những người về hưu

D. Những sinh viên mới ra trường tìm được việc làm ngay

60. Giả sử sau khi tốt nghiệp đại học bạn có được việc làm tại một ngân hàng kiếm được 30.000 đô la mỗi năm. Sau hai năm làm việc tại ngân hàng có cùng mức lương, bạn có cơ hội ghi danh vào một chương trình sau đại học một năm mà sẽ yêu cầu bạn bỏ công việc của mình tại ngân hàng. Những điều sau đây không nên bao gồm trong tính toán chi phí cơ hội của bạn?

A. Chi phí học phí và sách tham dự chương trình sau đại học

B. Mức lương 30.000 đô la mà bạn có thể kiếm được nếu bạn giữ lại công việc của mình tại ngân hàng

C\*. Mức lương 45.000 đô la mà bạn sẽ có thể kiếm được sau khi hoàn thành chương trình sau đại học

D. Giá trị bảo hiểm và các khoản trợ cấp khác mà bạn nhận được nếu bạn giữ lại công việc tại ngân hàng.

61. Nếu cầu tăng, cung không đổi thì:

A\*. Giá và số lượng cân bằng cùng tăng

B. Giá cân bằng không đổi, số lượng cân bằng tăng

C. Giá và số lượng cân bằng cùng giảm

D. Giá và số lượng cân bằng cùng không đổi

62. Doanh thu biên của một nhà sản xuất độc quyền bán thuần túy thì:

A. Bằng với giá

B. Lớn hơn giá

C\*. Nhỏ hơn giá

D. Tất cả đều sai

63. Khi lợi nhuận kinh tế bằng 0, lợi nhuận kế toán sẽ:

A. Lớn hơn lợi nhuận kinh tế

B. Là một số dương

C. Bằng với chi phí cơ hội

D\*. Tất cả đều đúng

64. Trong các đẳng thức dưới đây, đẳng thức nào tương ứng với mức sản lượng tối ưu:

A\*. MC = AC

B. P = AVC

C. MC = AVC

D. Tất cả đều đúng

65. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng phí TC = Q2+10Q+3600. Chi phí trung bình tối thiểu là:

A. 100

B\*. 130

C. 60

D. Không thể xác định

66. Khoản thu nhập nào sau đây không được tính vào GDP:

A. Thu nhập của những người chủ sở hữu doanh nghiệp

B. Tiền lương của người lao động

C. Tiền cho thuê đất

D\*. Tiền trợ cấp của chính phủ cho người nghèo

67. Cầu về sản phẩm Y hoàn toàn không co giãn nên đường cầu thẳng đứng song song với trục tung. Khi giá yếu tố sản xuất đầu vào tăng làm đường cung dịch chuyển sang trái thì:

A. Giá cân bằng tăng, lượng cân bằng giảm

B. Giá cân bằng giảm, lượng cân bằng tăng

C\*. Giá cân bằng tăng, lượng cân bằng không đổi

D. Giá cân bằng không đổi, lượng cân bằng giảm

68. Giá bia Sài Gòn là 17000 đồng/chai trên thị trường. Sau khi nhà nước tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu bia thì giá ba Sài Gòn trên thị trường lúc này là 18000 đồng/chai. Chênh lệch giá bia 1000 đồng/chai là phần thuế:

A. Người bán chịu

B\*. Người mua chịu

C. Cả người mua và người bán cùng chịu

D. Số thuế chính phủ đánh trên mỗi chai bia

69. Nếu giá của Iphone 13 giảm xuống, các điều kiện khác không đổi thì:

A. Lượng cầu Iphone 1 giảm xuống

B. Chi phí sản xuất tăng lên

C\*. Lượng cung Iphone 13 giảm xuống

D. Thu nhập của người tiêu dùng tăng lên

70. Khi chính phủ qui định giá sàn đối với nông sản và cam kết mua hết sản phẩm dư thừa trên thị trường:

A. Sẽ không gây ra tổn thất xã hội vì mất mát của người tiêu dùng sẽ được chuyển giao hoàn toàn cho nhà sản xuất

B\*. Nhà sản xuất sẽ có lợi vì bán nông sản với giá cao hơn trước

C. hừa hàng hóa trên thị trường

D. Chỉ có người tiêu dùng bị tổn thất

71. Giả sử sản phẩm X có hàm số cung cầu như sau: QD = 180 - 3P, QS = 30 + 2P, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm ở mức 10$/sp, thì giá sản phẩm trên thị trường sẽ là:

A. P = 40$

B. P = 24$

C. P = 30$

D\*. P = 34$

72. Khi giá hàng Y là P=4 thì lượng cung hàng X là 10, khi giá hàng Y là 6 thì lượng cung hàng X là 12, với các yếu tố khác không đổi. Kết luận X và Y là 2 sản phẩm:

A. Bổ sung cho nhau

B\*. Thay thế cho nhau

C. Vừa thay thế, vừa bổ sung

D. Không liên quan

73. Mức sản lượng tối ưu của một qui mô sản xuất là:

A. Mức sản lượng tương ứng với MC tối thiểu

B. Mức sản lượng tương ứng với AVC tối thiểu

C\*. Mức sản lượng tương ứng với AC tối thiểu

D. Mức sản lượng tương ứng với AFC tối thiểu

74. Nếu 2 sản phẩm X và Y là hai sản phẩm thay thế thì:

A\*. EXY &gt; 0

B. EXY &lt; 0

C. EXY = 0

D. Tất cả đều sai

75. Trong nền kinh tế thị trường, ai là người đưa ra các quyết định hướng dẫn hoạt động kinh tế nhất?

A. Chỉ các công ty

B. Chỉ hộ gia đình

C\*. Công ty và hộ gia đình

D. chính quyền

76. Tiền thuê mặt bằng xây dựng nhà xưởng mà doanh nghiệp chi hàng năm được gọi là:

A\*. Chi phí kế toán

B. Chi phí kinh tế

C. Chi phí cơ hội

D. Chi phí biến đổi

77. Mệnh đề nào sau đây liên quan đến kinh tế học vi mô:

A. Cùng với các nền kinh tế phương Tây khác, nước Anh đã đối mặt với sự gia tăng tỉ lệ thất nghiệp vào đầu những năm 1990

B\*. Một người lao động được trả lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng hóa xa xỉ hơn

C. Lãi suất cao trong nền kinh tế có thể được kỳ vọng là không khuyến khích tổng mức đầu tư

D. Sự tăng lên trong tổng thu nhập xã hội đồng nghĩa với việc chi tiêu tiêu dùng cao hơn

78. P = 5 thì Q = 15; P = 9 thì Q = 13. Vậy ta có:

A. Đường cầu: P = - 1/2Q + 30

B. Đường cung: P = 2Q + 35

C. Đường cung: P = 2Q – 30

D\*. Đường cầu: P = -2Q + 35

79. Nếu CPI năm 1990: 100%, năm 1996: 128%, năm 1997: 139%, tỷ lệ lạm phát của năm 1997 là:

A. 11%

B. 39%

C\*. 8.6%

D. Không có câu nào đúng

80. Độ co giãn của cầu theo giá đối với mặt hàng Ti vi là ED=-1,3. Con số này có nghĩa:

A. Giá ti vi tăng 13%, lượng cầu về ti vi giảm 10%

B\*. Giá ti vi giảm 10%, lượng cầu về ti vi tăng 13%

C. Giá điện giảm 10%, lượng cầu về ti vi tăng 13%

D. Thu nhập của người dân tăng 10%, lượng cầu về ti vi tăng 13%

81. Doanh thu biên MR là:

A. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi

B\*. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm một sản phẩm

C. Là độ dốc của đường tổng chi phí

D. Là độ dốc của đường cầu sản phẩm

82. Một doanh nghiệp có hàm chi phí trung bình AC = 6 đứng trước đường cầu thị trường Q = 11 - P. Lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp là:

A. 9,25

B\*. 6,25

C. 3,25

D. Không câu nào đúng

83. Thuật ngữ "năng suất"

A. Có nghĩa là tương tự như "hiệu quả".

B. Ít khi được các nhà kinh tế sử dụng, vì ý nghĩa của nó không chính xác.

C\*. Đề cập đến số lượng hàng hoá và dịch vụ được sản xuất từ mỗi đơn vị đầu vào lao động.

D. Đề cập đến nhiều loại hàng hóa và dịch vụ mà từ đó các hộ gia đình có thể lựa chọn khi họ mua hàng.

84. Cung giảm sẽ làm giá tăng rất ít khi:

A. Cả cung và cầu là không co giãn

B. Cầu co giãn và cung không co giãn

C\*. Cả cung và cầu là co giãn

D. Cầu là không co giãn và cung là co giãn

85. Nếu người mua trả phần lớn thuế thì chúng ta có thể biết được rằng:

A\*. Cầu là ít co giãn hơn cung

B. Cung là ít co giãn hơn cầu

C. Chính phủ yêu cầu người mua trả thuế

D. Chính phủ yêu cầu người bán trả thuế

86. Có 10 xí nghiệp sản xuất sản phẩm X, điều kiện sản xuất như nhau. Hàm chi phí sản xuất của mỗi xí nghiệp là TC=1/10q2+200q+200000. Hàm cung của thị trường sẽ là:

A. P=2Q+2.000

B. P=2Q+200

C\*. QS=50P-10.000

D. Tất cả đều sai

87. Nếu tổng chi phí biến đổi của việc sản xuất 100 đơn vị sản phẩm là 25000, chi phí cận biên của đơn vị sản phẩm thứ 101 là 2977 và tổng chi phí để sản xuất 100 đơn vị sản phẩm là 26000, thì điều nào sau đây là đúng:

A\*. AC khi sản xuất 101 đơn vị sản phẩm là 287

B. TFC = 1988

C. TFC = 1977

D. a và c đúng

88. Cung giảm sẽ làm tăng giá cả khi:

A\*. Cả cung và cầu là không co giãn

B. Cả cung và cầu là co giãn

C. Cầu là co giãn và cung là không co giãn

D. Cầu là không co giãn và cung là co giãn

89. Chi phí biên MC thể hiện:

A. Độ dốc của đường tổng định phí

B\*. Độ dốc của đường tổng biến phí

C. Độ dốc của đường chi phí trung bình

D. b và c đúng

90. Nhận định nào sau đây không phải là một chức năng của giá cả trong nền kinh tế thị trường:

A. Giá tự động điều chỉnh cho đến khi cung cầu cân bằng

B. Giá gửi tín hiệu cho người mua người bán để giúp họ đưa ra quyết định hợp lý

C. Giá phối hợp các hoạt động kinh tế

D\*. Giá đảm bảo phân phối công bằng hàng hóa dịch vụ cho người tiêu dùng

91. Ai trong số những người sau đây được coi là thất nghiệp chu kỳ:

A. Một công nhân làm việc trong ngành thủy sản đang tìm kiếm công việc tốt hơn trong ngành nhà đất

B\*. Một nhân viên văn phòng bị mất việc khi nền kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái

C. Một công nhân làm việc trong ngàanh thép bị mất việc làm và đang hy vọng sẽ được gọi trở lại làm việc trong thời gian tới

D. Một người công nhân bị mất việc cho tới khi anh ta được đào tạo lại

92. Giá sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu cho sản phẩm X tăng lên thì hệ số co giãn của cầu theo giá sản phẩm là:

A. |ED| &gt; 1

B\*. |ED| &lt; 1

C. |ED| = 0

D. |ED| = 1

93. Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hóa:

A. Giá hàng hóa liên quan

B. Thị hiếu, sở thích

C\*. Các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa

D. Thu nhập

94. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là QD = -2P + 200, QS = 2P – 40. Nếu chính phủ qui định các xí nghiệp đang sản xuất sản phẩm này phải nộp thuế với số thuế 10$/sp. Trong trường hợp này bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

A. P = 50$

B. P = 78$

C. P = 70$

D\*. P = 65$

95. Nếu mục tiêu của công ty là tối đa hóa doanh thu, và cầu về sản phẩm của công ty tại mức giá hiện có là co dãn nhiều, công ty sẽ:

A. Tăng giá

B. Tăng lượng bán

C\*. Giảm giá

D. Giá bán như cũ

96. Hàm sản xuất Q=K2L là hàm sản xuất có:

A\*. Năng suất (lợi tức) tăng dần theo qui mô

B. Năng suất (lợi tức) giảm dần theo qui mô

C. Năng suất (lợi tức) không đổi theo qui mô

D. Tất cả đều sai

97. Các vận động viên trường trung học bỏ học đại học để trở thành vận động viên chuyên nghiệp

A. Rõ ràng là không hiểu giá trị của một nền giáo dục đại học.

B. Thường làm như vậy vì họ không thể vào đại học.

C\*. Hiểu rằng chi phí cơ hội đi học đại học là rất cao.

D. Không đưa ra một quyết định hợp lý vì lợi ích biên tế của đại học lớn hơn chi phí biên của trường đại học cho vận động viên trường trung học.

98. Nếu Iphone là hàng hóa cao cấp, khi thu nhập của người dân tăng, sẽ gây ra:

A. Cầu Iphone tăng

B. Cầu Iphone giảm

C\*. Lượng cầu Iphone tăng tương đối nhanh hơn thu nhập

D. Lượng cầu Iphone có thể tăng hoặc giảm

99. GNP danh nghĩa bao gồm:

A. Tiền mua bột mì của một lò bánh mì

B. Bột mì được mua bởi một bà nội trợ

C. Tiền mua sợi của một nhà máy dệt vải

D\*. Tất cả đều sai

100. Một nhà độc quyền thấy rằng, ở mức sản lượng hiện thời, doanh thu biên bằng $4 và chi phí biên bằng $3.2. Điều nào sau đây sẽ tối đa hóa lợi nhuận:

A. Tăng giá và giữ sản lượng không đổi

B\*. Giảm giá và tăng sản lượng

C. Giảm giá và giữ sản lượng không đổi

D. Tăng giá và giảm sản lượng

101. Vấn đề nào sau đây thuộc kinh tế học thực chứng:

A\*. Đánh thuế đối với xe hơi sẽ làm cho lượng tiêu thụ thay đổi như thế nào

B. Chi tiêu cho giáo dục nên chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong ngân sách nhà nước

C. Có nên trợ cấp tiền khám chữa bệnh cho người nghèo không

D. Lạm phát cao ở mức nào là có thể chấp nhận được

102. Sự gia tăng mức giá chung trong nền kinh tế được gọi là

A. Hiệu quả thu nhập.

B\*. Lạm phát.

C. Giảm phát.

D. Hiệu ứng thay thế.

103. Nhận định nào sau đây là đúng để giải thích chi việc áp đặt giá trần đối với sữa:

A\*. Nhà hoạch định chính sách nghiên cứu những tác động của giá trần cẩn thận, và họ nhận ra rằng giá trần tạo ra nhiều thuận lợi hơn cho xã hội

B. Những người mua sữa mà họ nhận ra rằng giá trần là tốt cho họ thì sẽ gây áp lực lên nhà hoạch định chính sách để qui định giá trần

C. Những người bán sữa đồng ý rằng giá trần là tốt cho tất cả người bán và họ sẽ gây áp lực cho nhà hoạch định chính sách để qui định giá trần

D. Tất cả đều sai

104. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng P = -Q/4 + 280, từ mức giá P = 200, nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu dùng sẽ:

A. Giảm xuống

B. Không thay đổi

C\*. Tăng lên

D. Tất cả đều sai

105. Khi tính GDP ta loại bỏ sản phẩm trung gian vì:

A. Đó là sản phẩm mua ngoài

B. Đó là sản phẩm dở dang.

C\*. Nếu không loại bỏ sẽ tính trùng

D. Đó là những sản phẩm sẽ được chuyển dần giá trị vào GDP nên không cần tính

106. Kiểm soát giá:

A. Luôn luôn tạo ra kết quả công bằng

B. Luôn luôn tạo ra kết quả hiệu quả

C\*. Có thể tạo ra sự bất bình đẳng cho mọi người

D. Cả a và b đều đúng

107. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng là:

A. Nó cho thấy nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn

B\*. Nó cho thấy dù giá cả là bao nhiêu người ta cũng chỉ cung ứng một lượng nhất định cho thị trường

C. Nó cho thấy chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hóa cho thị trường

D. Nó cho thấy nhà cung ứng sẵn sàng cung ứng nhiều hơn khi giá cao hơn

108. Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp có dạng TC=100+2Q+Q2. Phát biểu nào sau đây không đúng:

A. VC=2Q+Q2

B. AC=2+Q+100/Q

C. MC=2+2Q

D\*. Tất cả đều sai.

109. Thị trường một hàng hóa đang cân bằng với mức giá p = 80, q = 40. Tại điểm cân bằng có hệ số co giãn của cung ES = 2. Vậy hàm số cung có dạng:

A. P = Q + 20

B. P = -Q + 40

C\*. P = Q + 40

D. P = -Q + 20

110. Hàng hóa nào sau đây mà các nhà kinh tế học mô tả như hàng hóa thứ cấp hoặc hàng hóa thông thường:

A. Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá bằng -1.1

B. Một hàng hóa có độ co giãn chéo bằng 0.3

C\*. Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập bằng 0.9

D. Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá bằng -0.2

111. Một sản phẩm có giá bán khi chưa có thuế là 200 ngàn/sp. Nếu sau khi đánh thuế 10% lên giá mỗi đơn vị sản phẩm, giá tăng lên 215 ngàn/sp, thì điều nào sau đây là đúng:

A. Độ co giãn theo giá của cầu ít hơn của cung

B. Nhà sản xuất chịu thuế 5 ngàn/sp

C. Chỉ có người tiêu dùng chịu thuế

D\*. a và b đúng

112. Tổng chi phí của doanh nghiệp TC = 100 + 5Q, hàm cầu về sản phẩm của doanh nghiệp Q = 1000 - 100P. Nhận định nào dưới đây không đúng

A. Doanh nghiệp sẽ tối đa hóa doanh thu nếu bán 500 sản phẩm

B. Doanh nghiệp không phải đang hoạt động trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo

C\*. Doanh nghiệp sẽ tối đa hóa lợi nhuận tại sản lượng &gt; 500

D. Chi phí biên của doanh nghiệp không đổi

113. Một cửa hàng bánh kẹo sẵn lòng cung cấp 500 hộp kẹo mỗi ngày ở mức giá $0,50/hộp, cung cấp 1.100 hộp ở mức giá $0,80/hộp. Sử dụng phương pháp tính độ co giãn khoảng cho biết độ co giãn của cung theo giá là bao nhiêu:

A. 0,62

B. 0,77

C. 1,24

D\*. 1,63

114. Thông thường, lợi ích của một khoản trợ cấp người sản xuất và người tiêu dùng đều được hưởng nhiều hay ít phụ thuộc vào độ co giãn tương đối của cung và cầu. Trong trường hợp nào sau đây, người tiêu dùng hưởng được lợi ích nhiều hơn từ một khoản trợ cấp:

A. Cung co giãn ít hơn so với cầu

B\*. Cầu co giãn ít hơn so với cung

C. Cầu hoàn toàn co giãn

D. Cung hoàn toàn co giãn

115. Kinh tế đề cập chủ yếu đến khái niệm

A\*. Sự khan hiếm.

B. Tiền bạc.

C. Nghèo nàn.

D. Ngân hàng.

116. Hiện tượng giảm phát xảy ra khi:

A\*. Chỉ số CPI năm nay nhỏ hơn năm trước, tỷ lệ lạm phát âm

B. Tỷ lệ lạm phát thực nhỏ hơn lạm phát dự kiến rất nhiều, làm sảnlượng thực nhỏ hơn sản lượng dự kiến

C. Tỷ lệ lạm phát năm nay nhỏ hơn tỷ lệ lạm phát năm trước

D. Cả a, b, c đều sai

117. Một doanh nghiệp hoạt động trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

A\*. Không thể tăng doanh thu bằng cách tăng giá

B. Có thể tăng doanh thu bằng cách tăng giá

C. Có thể tăng lượng tiêu thụ nhờ đó tăng lợi nhuận bằng cách giảm giá bán

D. Có thể đặt giá bán để có lợi nhuận cao hơn đối thủ cạnh tranh

118. Khoản mục nào dưới đây được tính vào GDP năm nay:

A. Một chiếc ôtô mới được nhập khẩu từ nước ngoài

B\*. Máy in được sản xuất ra trong năm được một công ty xuất bản mua

C. Một chiếc máy tính được sản xuất ra trong năm trước năm nay mới bán được

D. Một ngôi nhà cũ được bán trong năm nay

119. Tổng chi phí sản xuất sản phẩm A là: TC=100+2Q+Q2, đường chi phí biến đổi là:

A\*. 2Q + Q2

B. 2 + 2Q

C. (100/Q) + 2 +Q

D. Tất cả đều sai

120. Hàm cầu đồng hồ đeo tay biểu thị mối quan hệ giữa:

A. Số lượng cầu đồng hồ đeo tay với giá của đồng hồ treo tường

B\*. Số lượng cầu đồng hồ đeo tay với giá của đồng hồ đeo tay

C. Số lượng cầu đồng hồ đeo tay với tổng chi tiêu của người mua

D. Số lượng cầu đồng hồ đeo tay với tổng doanh thu của người bán

121. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng là:

A. Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn

B\*. Dù giá là bao nhiêu người ta cũng chỉ cung ứng một lượng nhất định cho thị trường

C. Nhà cung ứng sẵn sàng cung ứng nhiều hơn khi giá cao hơn

D. Chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hóa cho thị trường

122. Khi một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá là 1 thì khoản chi tiêu của người tiêu dùng:

A. Thay đổi cùng chiều với sự thay đổi của giá

B. Thay đổi ngược chiều với sự thay đổi của giá

C. Thay đổi ngược chiều và bằng % như sự thay đổi của giá

D\*. Không thay đổi khi giá hàng hóa thay đổi

123. Nguyên tắc nào sau đây không phải là một trong bốn nguyên tắc của việc ra quyết định cá nhân?

A. Mọi người phải đối mặt với sự đánh đổi.

B\*. Thay đổi có thể làm cho mọi người tốt hơn.

C. Người dân hưởng ứng ưu đãi.

D. Những người hợp lý nghĩ rằng ở lề.

124. Chính phủ đánh thuế vào mặt hàng X là 3 ngàn đồng/sp, làm cho giá của sản phẩm tăng từ 15 ngàn đồng/sp lên 18 ngàn đồng/sp. Vậy mặt hàng X có:

A. Cầu co giãn hoàn toàn

B. Cầu co giãn nhiều

C. Cầu co giãn ít

D\*. Cầu hoàn toàn không co giãn

125. Nguyên tắc "người đối mặt sự cân bằng" áp dụng cho

A. Cá nhân.

B. Các gia đình.

C. Xã hội.

D\*. Tất cả đều đúng.

126. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng 20% (các yếu tố khác không đổi) làm cầu của hàng hoá X tăng 10%. Vậy X là:

A. Hàng xa xỉ

B. Hàng thiết yếu

C. Hàng thông thường

D\*. b v à c đúng

127. Giá trị hàng hóa trung gian không được tính vào GDP:

A\*. Nhằm tránh tính nhiều lần giá trị của chúng và do vậy không phóng đại giá trị của GDP

B. Bởi chúng chỉ bán trên thị trường các nhân tố sản xuất

C. Nhằm tính những hàng hóa làm giảm phúc lợi xã hội

D. Bởi vì khó theo dõi tất cả hàng hóa trung gian

128. Khi chính phủ kiểm soát giá của hãng hoá làm cho giá cao hơn giá cân bằng trên thị trường:

A. Mọi người đều được lợi khi kiểm soát giá

B. Chỉ có người tiêu dung được lợi

C\*. Chỉ có một số người bán có thể tìm được người mua sản phẩm của mình

D. Người mua và người bán đều có lợi

129. Một người tiêu dùng tăng lượng kem tiêu thụ lên gấp đôi khi thu nhập tăng 25% thì độ co giãn của cầu theo thu nhập là:

A\*. 4

B. 0,8

C. 0,25

D. 0,08

130. Nếu giá hiện tại thấp hơn giá cân bằng, thì:

A. Cung nhỏ hơn cầu, thị trường thiếu hụt hàng hóa

B. Cung nhỏ hơn cầu, thị trường dư thừa hàng hóa

C. Cung lớn hơn cầu, thị trường thiếu hụt hàng hóa

D\*. Cung lớn hơn cầu, thị trường dư thừa hàng hóa

131. Bàn tay vô hình hoạt động để thúc đẩy phúc lợi chung trong nền kinh tế chủ yếu thông qua

A. Sự can thiệp của chính phủ.

B. Quá trình chính trị.

C\*. Người dân theo đuổi lợi ích cá nhân.

D. Lòng vị tha.

132. Khi giá sản phẩm Y là 4 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 10. Khi giá sản phẩm Y tăng lên 7 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 15. Vậy:

A\*. X và Y là hai sản phẩm thay thế cho nhau

B. X và Y là hai sản phẩm bổ sung cho nhau

C. X và Y là hai sản phẩm vừa thay thế, vừa bổ sung cho nhau

D. X và Y là hai sản phẩm tách rời nhau

133. Giả sử một quốc gia có mức lương trung bình cao đồng ý thương mại với một nước có mức lương trung bình thấp. Quốc gia nào có thể có lợi?

A. Chỉ là sản phẩm có mức sản lượng thấp trên đầu người.

B. Chỉ có một với một mức độ cao của đầu ra cho mỗi người.

C\*. Cả hai

D. Không quốc gia nào

134. Sản lượng tối đa mà mỗi hãng có thể sản xuất với một phối hợp các yếu tố đầu vào cho trước được xác định bởi:

A\*. Hàm sản xuất

B. Nhu cầu của thị trường

C. Hàm chi phí

D. Sản phẩm (năng suất) biên của lao động và vốn

135. Đường cầu của sách giáo khoa sẽ dời sang phải khi:

A\*. Số lượng sinh viên tăng

B. Giá của sách giáo khoa giảm

C. Giá của sách giáo khoa cùng loại giảm

D. Giá giấy dùng để in sách giảm

136. Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hóa:

A. Giá hàng hóa liên quan

B\*. Giá các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa

C. Thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng

D. Thu nhập của người dân

137. Giá trần (giá tối đa) luôn dẫn tới:

A. Gia nhập ngành

B. Dư cung

C. Cân bằng thị trường

D\*. Thiếu hụt

138. Lý do trọng yếu là tại sao các hộ gia đình và xã hội phải đối mặt với nhiều quyết định là

A\*. Nguồn lực khan hiếm.

B. Hàng hoá và dịch vụ không khan hiếm.

C. Thu nhập dao động với chu kỳ kinh doanh.

D. Con người, về bản chất, thường không đồng ý.

139. Một doanh nghiệp có hàm tổng chi phí là TC = 5q2 - 6q + 4500. Sản lượng tối ưu của doanh nghiệp là:

A\*. 30

B. 20

C. 40

D. 50

140. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm thay thế thì:

A\*. Exy &gt; 0

B. Exy &lt; 0

C. Exy = 0

D. Tất cả đều sai

141. Thị trường hàng hoá T có hàm cầu là P=-3QD+1.800; hàm cung là P=2QS+400. Nếu chính phủ quy định giá tối thiểu cho sản phẩm này là 1.200$/sp thì số tiền mà chính phủ phải chi để mua hết số lượng sản phẩm thừa là:

A\*. 240.000$

B. 480.000$

C. 24.000$

D. 48.000$

142. Trong hầu hết các xã hội, các nguồn lực được phân bổ bởi

A. Một nhà hoạch định trung tâm duy nhất.

B. Một số nhỏ các nhà quy hoạch trung ương.

C. Những công ty sử dụng nguồn lực để cung cấp hàng hoá và dịch vụ.

D\*. Hành động kết hợp của hàng triệu hộ gia đình và doanh nghiệp.

143. Chính sách ổn định hóa nền kinh tế vĩ mô nhằm:

A. Kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá hối đoái

B. Giảm thất nghiệp

C. Giảm dao động GDP thực, duy trì cán cân thương mại

D\*. Tất cả đều đúng

144. Yếu tố nào sau đây quyết định mức giá tối đa mà tại đó một công ty có thể bán một lượng hàng hóa nhất định cho trước:

A\*. Đường cầu đối với sản phẩm của công ty

B. Đường cung sản phẩm của công ty

C. Chi phí cơ hội

D. Chi phí biên

145. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng là:

A. Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn

B\*. Dù giá cả là bao nhiêu người ta cũng chỉ cung ứng một lượng nhất định cho thị trường

C. Nhà cung ứng sẵn sàng cung ứng nhiều hơn khi giá cao hơn

D. Chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hóa cho thị trường

146. Yếu tố quyết định độ co giãn của cung theo giá là:

A\*. Độ dài thời gian

B. Thu nhập của người tiêu dùng

C. Độ co giãn của cầu theo giá

D. Tính chất quan trọng của hàng hóa đó trong ngân sách chi tiêu của người tiêu dùng

147. Nếu trên thị trường tồn tại dư cung đối với hàng hóa, đây là nguyên nhân của:

A. Hàng hóa là thứ cấp

B. Lượng cầu lớn hơn lượng cung

C. Giá hàng hóa nhỏ hơn giá cân bằng

D\*. Giá hàng hóa vượt quá cân bằng

148. Đối với hàng hóa lâu bền, ví dụ như xe máy và máy tính cá nhân, thì:

A. Độ co giãn của cầu theo giá không đổi theo thời gian

B. Giá tăng doanh thu sẽ giảm

C. Độ co giãn của cầu theo giá trong ngắn hạn nhỏ hơn trong dài hạn

D\*. Độ co giãn của cầu theo giá trong ngắn hạn lớn hơn trong dài hạn

149. Câu nào sau đây thuộc Kinh tế Vĩ mô:

A. Tỉ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao

B. Mức tăng GDP trong giai đoạn 2XXX-2YYY ở Việt Nam bình quân đạt 8%

C. Mức giá chung ở Việt Nam tăng khoản 20% mỗi năm trong giai đoạn 2XXX-2YYY

D\*. Tất cả đều đúng.

150. Nếu bạn quan sát sự biến động của GDP thực tế và GDP danh nghĩa bạn nhận thấy rằng những năm trước năm 2015, GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa, những năm sau năm 2015, GDP danh nghĩa lại lớn hơn GDP thực tế. Tại sao lại như vậy:

A. Vì năm 2015 là năm cơ sở (năm gốc)

B. Năng suất lao động tăng mạnh sau năm 2015

C. Lạm phát giảm từ năm 2015

D\*. Lạm phát tăng từ năm 2015

151. Trong ngắn hạn, chi phí nào sau đây là định phí của nhà máy sản xuất giày da:

A. Chi phí da, keo dán, điện

B. Chi phí tiền lương trả cho công nhân theo sản phẩm

C\*. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị

D. Chi phí bao bì

152. Trong các khoản mục dưới đây, khoản mục nào được tính vào GNP của nước Anh:

A. Tiền lương trả cho giáo viên phổ thông

B. Khoản tiền bồi dưỡng thêm cho lái xe taxi

C\*. Chi tiêu cho các chương trình bảo hiểm xã hội

D. Tiền lương trả cho người giúp việc

153. Chi phí nào trong các chi phí sau đây chắc chắn không giảm khi sản lượng sản xuất giảm:

A\*. AFC

B. AC

C. MC

D. AVC

154. Khi chính phủ quy định giá trần (giá tối đa) cao hơn giá cân bằng trên thị trường, nhận định nào sau đây là đúng:

A\*. Thị trường sẽ tự cân bằng

B. Cần phải có phương án phân phối hành chính bổ sung

C. Hình thành thị trường không chính thức song song với thị trường chính thức

D. Tất cả đều đúng

155. Một bao muối có giá là 2000 đồng, chính phủ đánh thuế 100% lên mặt hàng này và người mua phải trả mức giá là 4000 đồng. Vậy:

A. Cầu co giãn hoàn toàn

B. Cầu ít co giãn

C. Cầu co giãn nhiều

D\*. Cầu không co giãn

156. Phương trình cung – cầu có dạng: Q = 70 – 2P và Q = P – 5. Giá bằng bao nhiêu thì được coi là giá trần:

A\*. P = 24

B. P = 25

C. P = 26

D. P = 27

157. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố quyết định của cung:

A. Những thay đổi về công nghệ

B\*. Mức thu nhập

C. Thuế và trợ cấp

D. Chi phí nguồn lực để sản xuất hàng hoá

158. Yếu tố nào sau đây có thể làm cho đường cung của cá basa dịch chuyển sang trái:

A. Thu nhập người tiêu dùng giảm

B\*. Giá cá giống tăng

C. Giá cá basa giảm

D. Giá cá basa tăng

159. Sức mạnh của thị trường đề cập đến

A\*. Sức mạnh của một người hoặc một nhóm nhỏ để ảnh hưởng đến giá cả thị trường.

B. Khả năng của một người hoặc một nhóm nhỏ để thành công trong tiếp thị các sản phẩm mới.

C. Quyền lực của chính phủ để điều chỉnh thị trường.

D. Tầm quan trọng của một thị trường nhất định liên quan đến nền kinh tế nói chung.

160. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố xác định độ co giãn của cầu về một hàng hóa theo giá cả:

A. Yếu tố thời gian

B\*. Độ dốc hay độ thoải của đường cung về hàng hóa

C. Độ bao phủ của thị trường hàng hóa

D. Tính sẵn có của hàng hóa thay thế

161. Sự cải tiến kỹ thuật:

A. Cho phép sản xuất nhiều sản phẩm hơn với cùng số lượng các yếu tố đầu vào so với trước

B. Có thể được biểu hiện qua sự dịch chuyển lên trên của đường tổng sản phẩm

C. Có thể che dấu sự tồn tại của tình trạng năng suất biên giảm dần

D\*. Tất cả đều đúng

162. Phương trình cung – cầu có dạng: P = -1/5Q + 7 và P = 1/5Q + 1. Nếu P = 5 thì:

A. Cung lớn hơn cầu. Thị trường thiếu hụt hàng hóa

B\*. Cung lớn hơn cầu. Thị trường dư thừa hàng hóa

C. Cầu lớn hơn cung. Thị trường thiếu hụt hàng hóa

D. Cầu lớn hơn cung. Thị trường dư thừa hàng hóa

163. Khi giá gas tăng 45%, số lượng gas bán ra giảm 15%. Vậy co giãn của cầu về gas theo giá là:

A. Nhiều

B\*. Ít

C. Bằng đơn vị

D. Hoàn toàn

164. Nếu cầu đối với xe hơi tăng, đồng thời tiền lương của công nhân sản xuất xe hơi cũng tăng, điều gì sẽ xảy ra đối với giá cả và sản lượng cân bằng trên thị trường xe hơi:

A. Giá sẽ giảm, sản lượng sẽ tăng.

B. Giá sẽ tăng, sản lượng sẽ giảm.

C. Sản lượng sẽ tăng, không thể xác định được sự thay đổi giá.

D\*. Giá sẽ tăng, không thể xác định được sự thay đổi sản lượng.

165. Gánh nặng thuế đối với người sản xuất lớn hơn đối với người tiêu dùng khi:

A\*. Cầu co giãn hơn cung

B. Cầu hoàn toàn không co giãn

C. Cầu hoàn toàn co giãn

D. Cung co giãn hơn cầu

166. Câu nào sau đây là không đúng về định phí trung bình AFC:

A\*. Đường AFC là đường thẳng song song với trục hoành

B. AFC bằng TFC chia cho sản lượng

C. AFC bằng AC trừ đi AVC

D. AFC giảm khi sản lượng tăng

167. Để tối đa hóa doanh thu, xí nghiệp độc quyền sẽ quyết định sản xuất ở mức sản lượng tại đó:

A. MC = MR

B. AR = AC

C\*. MR = 0

D. P = MC

168. Giá sàn do chính phủ qui định cho người bán là:

A. Mức giá tối thiểu mà người bán phải tuân thủ

B. Mức giá cao hơn giá cân bằng

C\*. Mức giá tối đa

D. b và c đúng

169. Trên thị trường một sản phẩm thứ cấp, khi thu nhập của người tiêu dùng tăng (các yếu tố khác không đổi) thì:

A. Lượng cân bằng tăng.

B. Giá cân bằng tăng.

C\*. Tổng doanh thu của người bán giảm.

D. Đường cung dịch chuyển sang phải.

170. Câu nào sau đây là không đúng về đường chi phí biên ngắn hạn:

A. Chi phí biên bằng chi phí biến đổi trung bình khi chi phí biến đổi trung bình là tối thiểu

B. Khi chi phí biến đổi trung bình đang giảm, chi phí biên sẽ nằm dưới chi phí biến đổi trung bình

C\*. Chi phí cận biên không bị ảnh hưởng khi giá của các yếu tố đầu vào thay đổi

D. Tất cả các câu trên đều đúng

171. Một bất lợi của trợ cấp so với kiểm soát giá là:

A. Làm cho mức thuế cao hơn

B\*. Luôn là không công bằng cho những ai có thu nhập thấp

C. Gây ra tình trạng thất nghiệp

D. Không câu nào đúng

172. Khi cầu đối với một hàng hóa là co giãn, cung ít co giãn

A. Người tiêu dùng chịu phần lớn trong thế đánh vào hàng hóa

B\*. Người sản xuất chịu thuế nhiều hơn trong thế đánh vào hàng hóa

C. Mỗi người chịu một nửa

D. Không câu nào đúng

173. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo có 200 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm cung P=10+20q. Vậy hàm cung thị trường sẽ là:

A. P=2000+4000Q

B\*. P = Q/10 + 10

C. Q=100P-10

D. Tất cả đều sai